

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2020/DS-ST
Ngày: 03/7/2020.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn H và ông Trương Quang Ng.

-Thư ký phiên tòa: Bùi Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố K, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá T- Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-DS ngày 11/3/2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/6/2020 và 29/6/2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam; Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam. Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Trần Như V, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Lê Hồng Phong - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền số 430.BIDV.KT ngày 01/4/2020). Có mặt.

2.Bị đơn: Ông Trần Lê Tr, sinh năm 1973. Địa chỉ: 258 Đào Duy Từ, tổ 03, phường Thắng L, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K (Viết tắt là Ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/07/2016 ông TRẦN LÊ TR có vay vốn tín chấp tại Phòng giao dịch Lê Hồng Phong - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh K, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số HĐTD số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016. Số tiền vay: **180.000.000** đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị gia đình. Thời gian vay: 36 tháng (từ ngày 13/07/2016-12/07/2019). Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: áp dụng lãi suất thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh (lãi suất từ ngày 13/07/2016-31/12/2016 là 11,1%/năm; Lãi suất hiện tại áp dụng 11,2%/năm); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi: gốc trả hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng, lãi trả cùng kỳ trả nợ gốc. Tổng dư nợ tính đến hết ngày 02/7/2020: 132.515.308 đồng (*bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm lẻ tám đồng*), gồm: Nợ gốc: 95.000.000 đồng; nợ lãi: 37.515.308 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số HĐTD số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016. Số tiền vay: **90.000.000** đồng (*Chín mươi triệu đồng*). Mục đích vay: bù đắp nguồn thiếu hụt tạm thời để phục vụ nhu cầu đời sống, nhu cầu tiêu dùng. Thời gian vay: 12 tháng (từ ngày 13/07/2016-12/07/2017). Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: áp dụng lãi suất thỏa thuận, cố định là 9%/năm; Lãi suất hiện tại áp dụng 9%/năm); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi: gốc trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi (tài khoản cấp hạn mức thấu chi 6251000173599), lãi vào ngày 27 hàng tháng. Tổng dư nợ tính đến hết ngày 02/7/2020: 125.760.574 đồng (*ghi bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn, năm trăm bảy mươi tư đồng*), gồm: Nợ gốc: 93.104.728 đồng; nợ lãi: 32.655.846 đồng

Tổng dư nợ đến hết ngày 02/7/2020 của hai HĐTD trên là: 258.275.882 đồng (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng*) gồm: Nợ gốc: 188.104.728 đồng; nợ lãi: 70.171.154 đồng.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi cho Ngân hàng. Cụ thể HĐTD số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 quá hạn từ ngày 12/07/2017; HĐTD số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 quá hạn từ ngày 05/01/2018. Trong thời gian Bên vay cam kết trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với Bên vay yêu cầu Bên vay trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay bên vay vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Vì các lý do trên, đề nghị Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K giải quyết: Buộc ông Trần Lê Tr trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi còn nợ tính đến hết ngày 02/7/2020 là 258.275.882 đồng (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm tám hai đồng*) gồm: Nợ gốc: 188.104.728 đồng; nợ lãi: 70.171.154 đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày 03/7/2020 cho đến ngày Bên vay trả hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 và số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016. Thời hạn thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ nêu trên trong vòng 15 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực. Nếu quá thời hạn trả nợ mà Bên vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu của Bên vay để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn Trần Lê Tr đã được Tòa án thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện giao nộp tài liệu, chứng cứ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được Tòa án thực hiện niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng; không đến Tòa làm việc, như vậy ông Trần Lê Tr đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Trần Lê Tr vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016. Số tiền vay: **180.000.000** đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị gia đình và Hợp đồng tín dụng số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016. Số tiền vay: **90.000.000** đồng (*Chín mươi triệu đồng*). Mục đích vay: bù đắp nguồn thiếu hụt tạm thời để phục vụ nhu cầu đời sống, nhu cầu tiêu dùng nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên căn cứ Điều 688 và các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại Điều 11 của 02 (hai) Hợp đồng tín dụng nêu trên thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét 02 (hai) Hợp đồng tín dụng số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển – Chi nhánh Kon Tum với ông Trần Lê Tr đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Lê Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi cho Ngân hàng, cụ thể HĐTD số 2977/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 quá hạn từ ngày 12/07/2017; HĐTD số 2976/2016/1931528/HĐ ngày 13/07/2016 quá hạn từ ngày 05/01/2018, Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với ông Trần Lê Tr yêu cầu ông Trần trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K khởi kiện, yêu cầu ông Trần Lê Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K, buộc ông Trần Lê Tr phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K số tiền gốc và lãi tính ngày (02/7/2020) của hai hợp đồng là: **258.275.882 đồng** (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng*) gồm: Nợ gốc: 188.104.728 đồng; nợ lãi: 70.171.154 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính ngày 03/7/2020 cho đến khi ông Trần Lê Tr trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại và Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K. Buộc ông Trần Lê Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh K số tiền là **258.275.882 đồng** (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng*) gồm: Nợ gốc: 188.104.728 đồng; nợ lãi: 70.171.154 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 02/7/2020.

Kể từ ngày 03/7/2020, ông Trần Lê Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc ông Trần Lê Tr chịu 12.913.794 đồng (Mười hai triệu chín trăm mười ba bảy trăm chín mươi bốn đồng)

+ Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh K số tiền là 6.212.711 đồng (Sáu triệu hai trăm mười hai nghìn bảy trăm mười một đồng) theo biên lai thu tiền số 0003305 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tp K;
- Chi cục Thi hành án DS tp K;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Mai Thị Thu

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp Kon Tum;
- Chi cục Thi hành án DS tp Kon Tum;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND tp KonTum;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA DS tp KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.